

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng tại xã Hoằng Phú để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh – Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1102/SXD-QH ngày 08 tháng 02 năm 2024 về việc đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng tại xã Hoằng Phú để thực hiện dự án nâng cấp,

mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2), kèm theo Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Hoằng Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng tại xã Hoằng Phụ để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2), với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới, vị trí lập quy hoạch

Khu đất lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 thuộc địa giới hành chính xã Hoằng Phụ, huyện Hoằng Hóa, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: đường liên xã hiện trạng và đất nông nghiệp;
- Phía Nam giáp: đường Thịnh - Đông (giai đoạn 2), đất nông nghiệp;
- Phía Đông giáp: đất dân cư hiện trạng và đất nông nghiệp;
- Phía Tây giáp: đất dân cư hiện trạng và đất nông nghiệp.

2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô dân số khoảng: 1.528 người;
- Quy mô diện tích đất lập quy hoạch: 10,71 ha.

3. Tính chất, chức năng: Là khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông (giai đoạn 2); khu dân cư mới được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích lập quy hoạch: 107.127,97 m². Trong đó:

- Đất ở: 40.241,89 m² (trong đó, diện tích đất ở hiện trạng 472,72 m²; đất nhà ở liền kề 39.769,17 m²).
- Đất dịch vụ công cộng nhóm nhà ở: 4.607,0 m².
- Đất cây xanh sử dụng công cộng: 4.094,52 m².
- Đất giao thông hạ tầng kỹ thuật: 54.780,18 m².
- Đất dịch vụ thương mại: 3.404,38 m².

Bảng tổng hợp sử dụng đất

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ
*	Tổng diện tích quy hoạch	-	107.127,97	-		100,0
1	Đất nhà ở	-	40.241,89	60-100	1-5	37,6
1.1	Đất nhà ở hiện trạng	O-HT	472,72	60	1-3	
1.2	Đất nhà ở liền kề	LK	39.769,17	60-100	3-5	
<i>a</i>	<i>Đất nhà ở</i>		<i>37.516,83</i>	60-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 01	O-LK:01	2.007,00	90-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 02	O-LK:02	2.051,31	90-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 03	O-LK:03	2.438,41	80-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 04	O-LK:04	2.340,00	100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 05	O-LK:05	2.406,60	80-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 06	O-LK:06	1.594,00	90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 07	O-LK:07	1.191,00	90-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 08	O-LK:08	935,98	80-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 09	O-LK:09	748,15	90-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 09A	O-LK:09A	856,02	70-90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 10	O-LK:10	2.340,00	100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 11	O-LK:11	2.544,85	70-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 12	O-LK:12	1.944,88	90-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 13	O-LK:13	2.007,00	90-100	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 14	O-LK:14	668,23	90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 15	O-LK:15	900,00	70-90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 15A	O-LK:15A	1.303,20	70-90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 16	O-LK:16	2.048,89	70-90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 17	O-LK:17	2.343,85	70-90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 18	O-LK:18	2.222,63	90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 20	O-LK:20	1.028,25	90	3-5	
	Đất nhà ở liền kề 21	O-LK:21	1.596,58	60-90	3-5	
<i>b</i>	<i>Đất ở tái định cư</i>		<i>2.252,34</i>			
-	Đất nhà ở liền kề 19	O-LK:19	2.252,34	90	3-5	
2	Đất công trình dịch vụ - công cộng	CC	4.607,00	-		4,3
2.1	Đất văn hóa	NVH	720,66	40		
2.2	Đất trường mầm non	MN	1.800,00	40		
2.3	Đất TĐTT	TĐTT	2.086,34	5		
3	Đất CX sử dụng công cộng	-	4.094,52	-		3,8
3.1	Đất cây xanh công cộng	CX	3.985,77			
	Đất cây xanh công cộng 01	CX-01	278,22	-		
	Đất cây xanh công cộng 02	CX-02	1.794,97	-		
	Đất cây xanh công cộng 03	CX-03	1.912,58	-		
3.2	Đất cây xanh cách ly	CXCL	108,75			

TT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Tỷ lệ
4	Đất giao thông HTKT	-	54.780,18	-		51,1
4.1	Bãi đỗ xe	P	6.130,23	-		
	Bãi đỗ xe - 01	P-01	3.607,50	-		
	Bãi đỗ xe - 02	P-02	2.522,73	-		
4.2	Giao thông phân lô	GTPL	2.419,38	-		
	Giao thông phân lô - 01	GTPL-01	180,00	-		
	Giao thông phân lô - 02	GTPL-02	180,00	-		
	Giao thông phân lô - 03	GTPL-03	180,00	-		
	Giao thông phân lô - 04	GTPL-04	154,55	-		
	Giao thông phân lô - 05	GTPL-05	180,00	-		
	Giao thông phân lô - 06	GTPL-06	180,00	-		
	Giao thông phân lô - 07	GTPL-07	694,83	-		
	Giao thông phân lô - 08	GTPL-08	240,00	-		
	Giao thông phân lô - 09	GTPL-09	240,00	-		
	Giao thông phân lô - 10	GTPL-10	90,00	-		
	Giao thông phân lô - 11	GTPL-11	100,00	-		
4.3	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	369,07	-		
4.4	Đất giao thông	-	45.861,50	-		
5	Đất thương mại dịch vụ (cây xăng)	TMDV	3.404,38	-		3,2
<p><i>* Đối với các lô đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ có trong đồ án: Khi thực hiện đầu tư xây dựng dự án, các chỉ tiêu quy hoạch (MĐXD, tầng cao, HSSDD,...) sẽ được xác định cụ thể dựa trên tính chất, chức năng, quy mô dự án và căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng, các Quy chuẩn chuyên ngành liên quan.</i></p>						

4.2. Các chỉ tiêu đạt được của đồ án quy hoạch

- Đất ở trung bình khoảng 26,34 m²/người;
- Đất công trình hạ tầng xã hội (nhà văn hóa, trường mầm non, sân tập luyện, cây xanh sử dụng công cộng): 5,69 m²/người;
- + Đất sân tập luyện TDTT: 1,37 m²/người;
- + Đất cây xanh: 2,68 m²/người;
- Đất bãi đỗ xe: 4,01 m²/người.

5. Tổ chức không gian cảnh quan

- Hướng kết nối chính vào khu vực được xác định từ 2 phía: Phía Bắc tuyến đường hiện trạng; phía Nam kết với tuyến đường Thịnh - Đông giai đoạn 2.
- Trục cảnh quan chính của khu vực là tuyến đường đôi kẹp hệ thống nương tưới, tiêu kết hợp (nằm trong giải phân cách), nối từ tuyến đường liên xã phía Bắc tới đường gom của tuyến đường Thịnh - Đông giai đoạn 2.

- Từ trực định hình, tổ chức hệ thống các tuyến giao thông khác song song, vuông góc liên kết với các tuyến giao thông đối ngoại tạo thành hệ giao thông dạng ô bàn cờ có mật độ phù hợp để bố trí các ô phố cho khu vực quy hoạch.

Trên cơ sở cơ cấu tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, khu dân cư được quy hoạch gồm các khu vực chức năng sau:

- Bố trí các công trình nhà văn hóa, công viên cây xanh, sân tập luyện thể dục thể thao, trường mầm non (đáp ứng khoảng 150 cháu), bãi đỗ xe tại trung tâm khu đất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận sử dụng của các khu vực dân cư hiện trạng ngoài ranh giới quy hoạch và dân cư mới trong khu vực.

- Các bố trí bãi đỗ xe được bố trí bên trong ranh giới lập quy hoạch, giáp các tuyến đường giao thông tăng cường nhằm tăng khả năng tiếp cận với khu dân cư, đảm bảo phục vụ nhu cầu đậu đỗ xe của người dân trong khu vực.

6. Thiết kế đô thị

- Quy hoạch không gian chức năng khu dân cư được bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phù hợp với bố cục kiến trúc không gian đô thị.

- Với kiến trúc nhà ở loại hình nhà ở kiên kè: Các khu vực nhà ở dạng chia lô liên kế được bố trí tập trung thành khu vực, lựa chọn hình thức kiến trúc hiện đại theo mảng, khối và lược bỏ các thiết kế mang tính rườm rà, nhiều chi tiết. Màu sắc sử dụng hài hòa, tránh các màu sắc sỡ, phản cảm trên các diện lớn. Đồng bộ về kích thước chiều cao tầng, ban công...

- Với kiến trúc công trình công cộng - dịch vụ: Công trình công cộng - dịch vụ trong khu vực là công trình nhà văn hóa, trường mầm non, dịch vụ thương mại; theo đó cơ bản đã mang tính đặc thù theo công năng sử dụng của loại hình công trình cụ thể, các công trình cần lựa chọn hình thức kiến trúc đơn giản, màu sắc nhẹ nhàng, ấn tượng tạo thành các không gian điểm nhấn cho khu ở và đô thị.

- Thiết kế cây xanh cảnh quan: Các cây trồng trên đường phố, công viên, dải cây xanh và tại khuôn viên các công trình được lựa chọn, thực hiện đảm bảo theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Cây xanh hè phố được bố trí khoảng giữa 2 lô đất, ưu tiên cây xanh bóng mát.

- Thiết kế xây dựng các công trình trong khu vực phải tuân thủ về chiều cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi,... được quy định tại đồ án quy hoạch chi tiết và quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Khu vực xây dựng quy định từ 2-5 tầng, khoảng lùi và chiều cao công trình theo thiết kế đô thị của đồ án quy hoạch.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường gom đường Thịnh Đông giai đoạn 2: Lộ giới tuyến đường rộng 17,5 m (lòng đường rộng 7,5 m; vỉa hè rộng 5 m và dải phân cách tuyến đường Thịnh Đông giai đoạn 2 rộng 5 m).

- Tuyến đường phía Bắc (tuyến đường liên khu vực): lộ giới 18,0 m (mặt cắt 3-3) lòng đường rộng 8,0 m; vỉa hè rộng 5 m x2 = 10 m.

b) Giao thông nội bộ:

- Tuyến đường N01, N02, ...N04 và D01, D02, ... D06 là các tuyến đường cấp nội bộ kết nối các khu dân cư, cây xanh, công trình công cộng với các tuyến đường đối ngoại nói trên. Các tuyến đường này có mặt cắt (1-1), (2-2), (4-4).

+ Mặt cắt 1-1: Lộ giới 28,0 m; lòng đường rộng 7,5 m x2= 15,0 m; dải phân cách: 3,0 m; hè đường: 5,0 m x2 = 10,0 m.

+ Mặt cắt 2-2: Lộ giới 20,5 m; lòng đường rộng 10,5 m; hè đường rộng 5,0 m x2 = 10,0 m.

+ Mặt cắt 4-4: Lộ giới 17,5 m; lòng đường rộng 7,5 m; hè đường rộng 5,0 m x2= 10,0 m.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật san nền

- Cao độ san nền thấp nhất là: +2,2 m, cao độ san nền cao nhất là: +3,0 m.

- Hướng san nền hướng Tây Bắc sang phía Đông Nam. Hướng dốc thấp dần về phía kênh tiêu hiện có (nằm trên dải phân cách tuyến đường đôi D03).

- Giải pháp thiết kế là san nền dốc từ trong lô đất ra các tuyến đường chạy bao quanh với độ dốc san nền nhỏ nhất là $i = 0,4\%$.

- Tận dụng địa hình tự nhiên, không đào đắp địa hình tự nhiên quá lớn, tận dụng các cơ sở hiện trạng. Nền xây dựng các khu vực mới gắn kết với khu vực cũ, đảm bảo thoát nước mặt tốt, đảm bảo chiều cao nền phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị mới.

7.3. Quy hoạch thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư được thiết kế đi riêng biệt với thoát nước thải;

- Hướng thoát nước chính của khu vực quy hoạch về phía Nam khu đất, được tập trung về kênh tiêu hiện có của xã Hoàng Phụ trên dải phân cách tuyến D03 để thoát về kênh Trường Phụ ra sông Mã.

- Hệ thống thoát nước sử dụng rãnh D600-D1000 trên tuyến bố trí các hố ga thu thăm kết hợp, hố thu trực tiếp với khoảng cách trung bình 30-50 m/ga

- Giải pháp hoàn trả hệ thống kênh tưới, tiêu hiện trạng

- + Giữ nguyên hướng tuyến và ngầm hóa tuyến mương tưới tiêu kết hợp hiện có của xã Hoàng Phụ vào dải phân cách tuyến đường N03. Kích thước mương Bxh= (1,2x1,2) m.

- + Hoàn trả kênh tưới nhánh phía Tây dự án lên vỉa hè tuyến D05, kích thước mương Bxh= (0,8x0,8) m.

- + Các tuyến kênh tưới nội đồng được hoành triệt khi khu vực ruộng lúa chuyển đổi mục đích sử dụng.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Tổng nhu cầu $Q= 215,0 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Nguồn nước cấp cho khu đất lập quy hoạch được đầu nối từ đường ống cấp nước D160 hiện có trên tuyến đường tiếp giáp phía Tây khu đất lập quy hoạch dẫn nước từ nhà máy nước Hoàng Tiến (cách khu vực lập quy hoạch hơn 5 km về phía Bắc) có công suất thiết kế $6.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Mạng lưới đường ống thiết kế là mạng vòng kết hợp mạng cụt đảm bảo cấp nước liên tục và tới từng đối tượng dùng nước có kích thước D50, D110, D250, D150.

- Độ sâu chôn ống phụ thuộc độ dốc đường, trung bình chôn sâu 0,7 m so với mặt hè.

- Đường ống cấp nước cứu hỏa ngoài nhà có đường kính D110, các trụ cứu hỏa chọn loại nổi D100, khoảng cách mỗi trụ cứu hỏa 100-120 m/trụ.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải

- Tổng nhu cầu $Q= 170,0 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

- Hệ thống giếng thăm được bố trí trên mạng lưới đường cống thoát nước với khoảng cách từ 20-40 m.

- Nước thải được thu gom vào ống cống tròn D200-300 sau đó chạy dọc theo hè đường chảy về trạm xử lý nước thải tập trung đặt ở phía Nam của khu đất quy hoạch, sau khi đảm bảo vệ sinh môi trường được đầu nối thoát ra hệ thống thoát nước chung của đô thị.

7.6. Chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

- Nhu cầu xử lý chất thải rắn của khu vực: 1,58 t/ngđ (thu gom 100%)
- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn từ các thùng rác này và vận chuyển đến trạm xử lý thác thải của huyện Hoàng Hóa.
- Kích thước các thùng rác công cộng có kích thước từ 60-660 lít, đặt dọc theo các trục giao thông hoặc các khu vực công cộng với khoảng cách giữa các thùng từ 50-100 m.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên của các lô đất theo mật độ mà quy hoạch quy định, vừa tạo bóng mát tạo cảnh quan vừa cải tạo môi trường.
- Bố trí 01 điểm trung chuyển chất thải rắn cỡ nhỏ với diện tích 36 m², trong khuôn viên xây dựng bể xử lý nước thải.

7.7. Quy hoạch cấp điện - chiếu sáng

Tổng nhu cầu sử dụng điện khu vực lập quy hoạch : 1.072,0 kVA

- Cải dịch các đường dây 22 kV hiện có đi cắt ngang qua các lô đất ngầm hóa trong hệ thống vỉa hè các tuyến đường giao thông, xây dựng mới hệ thống đường dây 22 kV đấu nối từ đường điện 22 kV lộ 471-E9.14 về trạm biến áp để cấp điện cho khu vực lập quy hoạch.
- Trạm biến áp: xây dựng mới 03 trạm biến áp có công suất 320 kVA cấp điện cho khu dân cư. Vị trí đặt trạm biến áp tại vị trí đất công cộng, cây xanh. Đối với ô đất dịch vụ thương mại sử dụng điện tại trạm biến áp hiện có của dự án.
- Xây dựng mới các tuyến cáp hạ thế từ các trạm biến áp đi dọc theo các trục đường giao thông nội khu cấp tới các tủ gom công tơ.
- Quy hoạch chiếu sáng cho toàn bộ các tuyến đường trong khu vực: Tủ điện chiếu sáng được bố trí riêng đầu đường dây cấp điện trụ đèn chiếu sáng sử dụng trụ thép h=8 m bố trí trên vỉa hè khoảng cách 30 m. Dây dẫn cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế ngầm.

7.8. Hạ tầng viễn thông thụ động

Nhu cầu dịch vụ viễn thông: 387,0 đường dây thuê bao.

- Nguồn viễn thông thụ động cấp cho khu vực được đấu nối từ đường dây trên tuyến đường N04 phía Nam khu vực lập quy hoạch.
- Xây dựng mới 01 trạm thu phát sóng di động đảm bảo phục vụ nhu cầu phủ sóng điện thoại di động tốc độ cao hướng đến công nghệ 5G và sau 5G.

- Từ điểm đầu nối, xây dựng các tuyến cáp chính cấp tín hiệu đến tủ cáp phân phối tủ cáp điện thoại (IDF) trong khu vực quy hoạch. Các tuyến cáp nhánh đi ngầm trên vỉa hè hoặc đi chung trong hào cáp kỹ thuật cùng với các tuyến hạ tầng khác. Tủ đầu nối IDF được đặt nổi trên bề bê tông để đảm bảo vận hành trong mọi điều kiện thời tiết.

- Cáp viễn thông được chôn ngầm dưới vỉa hè và được luồn trong ống nhựa PVC luồn cáp. Các đoạn qua đường luồn trong ống thép đen chịu lực.

- Từ tủ cáp, cáp viễn thông đi ngầm theo hệ thống điện sinh hoạt vào các hộ sử dụng trong khu vực.

8. Giải pháp tái định cư:

Trong ranh giới lập quy hoạch phần lớn là đất nông nghiệp, không có các hộ dân cần di chuyển tái định cư khi thực hiện thu hồi đất để đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

Việc bố trí quỹ đất tái định cư hiện nay để phục vụ các hộ dân bị ảnh hưởng trên địa bàn xã Hoàng Phụ do công tác giải phóng mặt bằng cho dự án đường Thịnh Đông giai đoạn 2 với tổng số hộ cần dự kiến bố trí tái định cư khoảng 18 lô (trên toàn bộ 18 lô thuộc lô liền kề LK-19).

9. Những hạng mục ưu tiên

Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực bao gồm: san nền, hệ thống đường giao thông nội bộ, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, hạ tầng viễn thông; các khuôn viên cây xanh phục vụ công cộng.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết đô thị

Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng tại xã Hoàng Phụ để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoàng Hóa (giai đoạn 2) kèm theo quyết định phê duyệt đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. UBND huyện Hoàng Hóa có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ được duyệt theo quy định, tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu đồ án quy hoạch cho các ngành, địa phương liên quan để lưu trữ, quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chung được duyệt chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt theo quy định tại Khoản 12, Điều 29 của Luật 35/2018/QH14.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng tại xã Hoàng Phụ để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh – Đông, huyện Hoàng Hóa (giai đoạn 2).

- Việc thực hiện bố trí tái định cư phải được ưu tiên thực hiện đảm bảo không để xảy ra tình trạng thiếu quỹ đất tái định cư cho các dự án trong quá trình thực hiện, làm ảnh hưởng tiến độ các dự án.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ, ...) để quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng và các sở ngành, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa, Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H6.(2024)QDPD_QHCT T Dong GD2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm